



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 03

Ngày 20 tháng 01 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

07/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 46/NQ-HĐND về việc quyết định thời gian bố trí vốn đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 (Đợt 2)	4
07/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 47/NQ-HĐND về kế hoạch đầu tư công năm 2022	10
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 50/NQ-HĐND về việc điều chỉnh một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La	46
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 51/NQ-HĐND thông qua danh mục các công trình, dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2022 trên địa bàn tỉnh	50
07/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 52/NQ-HĐND thông qua danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư năm 2022 trên địa bàn tỉnh	67

08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 53/NQ-HĐND thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua	75
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 54/NQ-HĐND hủy bỏ danh mục dự án nhà nước thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại huyện Vân Hồ	79
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 55/NQ-HĐND về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên tỉnh Sơn La năm 2022	81
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 56/NQ-HĐND về việc giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Sơn La năm 2022	83
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 58/NQ-HĐND về việc thu hồi dự toán năm 2021 và giao bổ sung có các mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành	87
08/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 60/NQ-HĐND chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	91
07/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 61/NQ-HĐND kế hoạch tổ chức các kỳ họp năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	94
30/12/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 66/NQ-HĐND về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm 2021 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	108

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định thời gian bố trí vốn đối với các dự án
sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020
chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên
tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước
giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của
HĐND tỉnh Sơn La ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND
tỉnh; Báo cáo số 497/BC-UBND ngày 6 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 130/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh
tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định thời gian bố trí vốn đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí vốn quá thời gian theo quy định tại Khoản 2, Điều 52, Luật Đầu tư công năm 2019.

(có Phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp lần thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dũg.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

QUYẾT ĐỊNH KÉO DÀI THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN ĐỐI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (CẤP TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2021	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2021	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Thời gian bố trí vốn	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2021					
	Tổng số				1.205.371			1.050.502	1.045.265	125.868		
1	Hệ thống đường nội bộ TT hành chính huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	C	329 10/5/2016	77.583	2015	06	61.573	56.336	8.560	Năm 2022	Chưa bố trí đủ vốn
2	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia, tỉnh Sơn La	Sở Công thương	B	2634 30/10/2015	842.284	2015	06	783.282	783.282	26.718	Năm 2022	Chưa bố trí đủ vốn
3	Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	B	2732 08/11/2006; 651 24/3/2017	285.504	2006	15	205.647	205.647	90.590	Năm 2022	Vướng mắc giải phóng mặt bằng, chưa bố trí đủ vốn

Biểu số 02

QUYẾT ĐỊNH KÉO DÀI THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN ĐỐI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (CẤP HUYỆN)

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh)

6

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2021	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2021	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Thời gian bố trí vốn	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2021					
	Tổng số		11		183.443			105.160	168.884	73.222		
I	Huyện Phù Yên		2		96.827			55.019	94.778	39.758		
a	Dự án hoàn thành				56.827			30.138	54.778	24.640		
1	Đường Tường Phong - Nam Phong (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	C	1869 31/7/2020	56.827	2019	3	30.138	54.778	24.640	Năm 2022 - 2023	Chưa bố trí đủ vốn
b	Dự án chuyển tiếp				40.000			24.881	40.000	15.118		
2	Trụ sở làm việc Huyện ủy Phù Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Phù Yên	C	3149 01/12/2020	40.000	2019	3	24.881	40.000	15.118	Năm 2022 - 2023	Chưa bố trí đủ vốn
II	Huyện Sốp Cộp		9		86.616			50.141	74.105	33.464		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2021	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2021	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Thời gian bố trí vốn	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2021					
a	Dự án hoàn thành				36.614			26.944	32.560	7.115		CÔNG BẢO SƠN LA SƠN
1	Di chuyển đường điện khu dân cư lâm trường cũ, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA huyện Sốp Cộp	C	1389 31/10/2019	1.574	2019	3	504	1.277	773	Năm 2022	Chưa bố trí đủ vốn
2	Nâng cấp Hệ thống đường nội bộ khu TTHC huyện (áp Phan)	Ban QLDA huyện Sốp Cộp	C	1929 30/10/2017	14.938	2018	4	14.012	14.642	630	Năm 2022	Chưa bố trí đủ vốn
3	Bãi đỗ xe tỉnh khu Trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp	Ban QLDA huyện Sốp Cộp	C	1122 20/10/2017	3.519	2017	4	1.981	2.023	42	Năm 2022	Chưa bố trí đủ vốn
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông Sốp Cộp - Mường Lạn	Phòng KT-HT huyện Sốp Cộp	C	117 9/9/2019	1.942	2019	3	1.800	1.930	130	Năm 2022	Chưa bố trí đủ vốn
5	Đường nội thị từ cầu Nậm Ca đến Đài tưởng niệm Liệt sỹ	Ban QLDA huyện Sốp Cộp	C	823 15/7/2019	7.028	2019	3	3.015	6.816	3.801	Năm 2022	Chưa bố trí đủ vốn

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2021	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2021	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Thời gian bố trí vốn	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2021					
6	Nhà làm việc Công an huyện Sốp Cộp	Công an huyện Sốp Cộp	C	283 22/3/2019	4.000	2019	3	3.670	3.908	238	Năm 2022	Chưa bố trí đủ vốn
7	Trận địa pháo phòng không 12,7 mm huyện Sốp Cộp	Ban CHQS huyện Sốp Cộp	C	1333 16/10/2018	3.613	2018	4	1.963	1.963	1.500	Năm 2022	Vượt quá GPMB
b	Dự án chuyển tiếp				50.002			23.197	41.546	26.349		
1	Dự án ĐTXD CSHT điểm sắp xếp dân cư TTHC huyện Sốp Cộp	Ban QLDA huyện Sốp Cộp	C	1074 04/9/2019	40.002	2019	3	19.766	32.002	20.235	Năm 2022 - 2023	Chưa bố trí đủ vốn
2	Bổ sung cơ sở hạ tầng trường THPT huyện Sốp Cộp	Ban QLDA huyện Sốp Cộp	C	1265 12/10/2019	10.000	2019	3	3.430	9.544	6.114	Năm 2022 - 2023	Chưa bố trí đủ vốn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo số 497/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 130/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2022

I. Tổng kế hoạch vốn ngân sách địa phương: 2.017.720 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 919.820 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 950.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 60.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 87.900 triệu đồng.

II. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh.

III. Phương án phân bổ

1. Theo cấp ngân sách

1.1. Ngân sách cấp tỉnh: 1.389.760 triệu đồng.

- Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 735.860 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 506.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 60.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 87.900 triệu đồng.

1.2. Ngân sách cấp huyện: 627.960 triệu đồng.

- Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: Tổng số vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện là 183.960 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 444.000 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ chi tiết vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh: 1.389.760 triệu đồng.

2.1. Thực hiện phân bổ chi tiết: 747.005 triệu đồng

- Trả nợ gốc vốn vay và các khoản tạm vay: 48.988 triệu đồng.
- Đối ứng các dự án ODA: 44.770 triệu đồng.
- Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP): 59.740 triệu đồng.

- Bố trí vốn thực hiện các dự án: 593.507 triệu đồng.

2.2. Để lại phân bổ chi tiết sau: 642.755 triệu đồng.

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 69.840 triệu đồng (dành để bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn 15.000 triệu đồng; Hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 14.000 triệu đồng; Hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG phát triển

KT-XH đồng bào dân tộc thiểu số 30.000 triệu đồng; Bố trí vốn thực hiện các dự án 10.840 triệu đồng).

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 12.348 triệu đồng (*dành để hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 10.000 triệu đồng; Bố trí vốn thực hiện các dự án 2.348 triệu đồng*).

- Nguồn thu tiền sử dụng đất (*phần điều tiết ngân sách tỉnh*): 506.000 triệu đồng phân bổ chi tiết cho các dự án sau khi có nguồn thu nộp ngân sách nhà nước.

- Nguồn bội chi ngân sách địa phương 54.567 triệu đồng thực hiện phân bổ khi vay được nguồn vốn vay.

(Biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

1.1. Giao kế hoạch cho các đơn vị thực hiện đối với các nhiệm vụ, dự án đã đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.

1.2. Xây dựng phương án phân bổ chi tiết trình HĐND tỉnh xem xét đối với nguồn vốn để lại phân bổ chi tiết sau tại Mục 2.2, Phần III, Điều 1 Nghị quyết này khi đã đủ điều kiện theo quy định.

1.3. Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương, chỉ thực hiện sau khi vay được nguồn vốn vay.

1.4. Chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện phân bổ vốn đầu tư ngân sách cấp huyện quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; tổ chức kiểm tra, kịp thời điều chỉnh, xử lý những huyện, thành phố thực hiện chưa đúng quy định.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dững.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

TỔNG HỢP CƠ CẤU BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

12

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó:				Ghi chú
			Nguồn bổ sung cân đối	Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
	Tổng hợp	2.017.720	919.820	60.000	950.000	87.900	
I	Ngân sách cấp tỉnh	1.389.760	735.860	60.000	506.000	87.900	
a	Phân bổ chi tiết	747.005	666.020	47.652	0	33.333	
1	Trả nợ gốc vốn vay và hoàn trả các khoản tạm vay	48.988	48.988				
-	Trả nợ gốc vốn vay	3.000	3.000				
-	Hoàn trả ngân sách tỉnh đã tạm vay để thanh toán cho một số dự án, công trình năm 2017 theo Công văn số 1223/TT HĐND ngày 09/2/2018	45.988	45.988				
2	Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	59.740	59.740				
3	Đối ứng các dự án ODA	44.770	44.770				
4	Thực hiện dự án	593.507	512.522	47.652	0	33.333	
-	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022	80.188	53.436	26.752			
-	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022	315.666	298.166	17.500			
-	Các dự án khởi công mới năm 2022	197.653	160.920	3.400		33.333	
b	Phân bổ chi tiết sau	642.755	69.840	12.348	506.000	54.567	

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó:				Ghi chú
			Nguồn bổ sung cân đối	Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	
1	Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	15.000	15.000				
2	Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	24.000	14.000	10.000			
4	Thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH đồng bào dân tộc thiểu số	30.000	30.000				
5	Thực hiện dự án	573.755	10.840	2.348	506.000	54.567	
II	Ngân sách cấp huyện	627.960	183.960	0	444.000	0	
1	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương phân cấp cho các huyện, thành phố	183.960	183.960				
2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	444.000			444.000		

Biểu số 02

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH HOÀN TRẢ
NGUỒN VỐN VAY VÀ THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**
(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

14

ĐVT: Triệu đồng						Ghi chú
STT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	ÔNG BẢO SƠN LA/Số 03/
	Tổng số		480.931	61.872	108.728	Ngày 20-01-2022
1	Trả nợ gốc vốn vay và hoàn trả các khoản tạm vay		182.231	2.132	48.988	
	Trả nợ gốc vốn vay		115.000	2.132	3.000	
	Hoàn trả ngân sách tỉnh đã tạm vay để thanh toán cho một số dự án, công trình năm 2017 theo Công văn số 1223/TT HĐND ngày 09/02/2018		67.231		45.988	
2	Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)		298.700	59.740	59.740	
	Trụ sở làm việc 9 tầng và 2 khối nhà 6 tầng thuộc khu trụ sở HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và một số sở ngành đoàn thể tỉnh Sơn La (thanh toán BLT)	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và Phát triển đô thị	298.700	59.740	59.740	

Biểu số 03

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022										15
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh					
	Tổng số			2.715.413	2.092.401	1.922.473	271.120	523.362		
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			2.260.215	1.656.486	1.486.558	227.252	389.464		
I1	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			369.475	283.759	283.759	60.750	73.580		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022			34.000	16.000	16.000	11.000	5.000		
1	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Nà Sàng, xã Chiềng Xuân nay là Pu Nhay, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	798 21/4/2020	34.000	16.000	16.000	11.000	5.000		
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			233.425	188.529	188.529	49.750	52.730		
1	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Nà Pán, xã Chiềng Đông	UBND huyện Yên Châu	367 03/3/2021	14.864	8.918	8.918	2.680	2.370		

ĐVT: Triệu đồng

16

CONG BAO SON LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư				
2	Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	1071 31/5/2021; 1336 18/6/2021	20.900	13.000	3.900	3.460	
3	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nậm Lạn, xã Mường Lạn	UBND huyện Sốp Cộp	1068 31/5/2021	15.000	9.000	2.700	2.390	
4	Bố trí ổn định dân cư bản Huổi Hâu, xã Chiềng Lao, huyện Mường La	UBND huyện Mường La	1069 31/5/2021	13.902	8.102	2.430	2.160	
5	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Đung, Xã Hồng Ngài	UBND huyện Bắc Yên	1072 31/5/2021	6.315	4.800	1.440	1.280	
6	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Suối Tre, bản Bèo Xã Tường Phong, huyện Phù Yên	UBND huyện Phù Yên	1073 31/5/2021	20.000	12.000	3.600	3.190	
7	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Cong, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1066 31/5/2021	7.184	7.184	2.160	1.910	

18

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư				
12	Thủy lợi Nà Sàng, xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ	Công ty TNHH MTV quản lý khai thác các công trình thủy lợi	1058 31/5/2021	14.921	14.921	4.480	3.970	
13	Kè chống sạt lở khu đất Nà Tơ, huyện Sốp Cộp	UBND huyện Sốp Cộp	1014 27/5/2021	14.000	10.000	0	3.800	
c	Dự án khởi công mới			102.050	79.230	-	15.850	
1	Bố trí ổn định dân cư bản Huổi Nà, xã Hua Trai, huyện Mường La.	UBND huyện Mường La	2895 24/11/2021	19.250	11.550	0	2.310	
2	Bố trí ổn định dân cư bản Nong, xã Chiềng San, huyện Mường La.	UBND huyện Mường La	2894 24/11/2021	12.800	7.680	0	1.540	
3	Kè chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc Suối Muội, huyện Thuận Châu (giai đoạn II)	UBND huyện Thuận Châu	2651 31/10/2021	70.000	60.000	0	12.000	
I2	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC			104.500	104.500	14.350	25.260	

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			54.500	54.500	54.500	14.350	15.260	
1	Nước sinh hoạt liên bản: Púng Tòng, bản Phổng, Lọng Tòng, bản Lạnh, bản Cang và các cơ quan, đơn vị tại trung tâm xã Nậm Lạnh, huyện Sốp Cộp	UBND huyện Sốp Cộp	1065 31/5/2021	14.500	14.500	14.500	4.350	3.860	
2	Cấp nước sinh hoạt cho xã Tà Xùa, Phiêng Ban và các vùng lân cận, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	UBND huyện Bắc Yên	1064 31/5/2021	40.000	40.000	40.000	10.000	11.400	
b	Dự án khởi công mới			50.000	50.000	50.000	-	10.000	
1	Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2759 11/11/2021	50.000	50.000	50.000	0	10.000	
I3	GIAO THÔNG			563.345	527.332	527.549	61.290	143.310	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			308.409	279.396	279.396	61.290	82.680	
1	Đường từ quốc lộ 6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản	UBND huyện Mộc Châu	1093 31/5/2021	44.950	44.950	44.950	11.240	12.810	

20

CONG BAO SON LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh				
	Thông Cường, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ								
2	Đường giao thông kết nối điểm du lịch Rừng sinh thái Pa Cốp xã Vân Hồ với trung tâm xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	1088 31/5/2021	59.939	59.939	59.939	14.980	17.080	
3	Tuyến đường từ QL6 đi trung tâm xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND thành phố	1025 27/5/2021	40.000	40.000	40.000	10.000	11.400	
4	Cải tạo tuyến đường từ ngã ba QL43 đến bản Lùn, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	1150 28/5/2021	18.513	9.500	9.500	4.000	2.090	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Mường Chiên - xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	1075- 31/5/2021	29.546	29.546	29.546	7.200	8.490	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ bến phà đến Trung tâm xã Nậm Ét	UBND huyện Quỳnh Nhai	1106 31/5/2021	28.839	28.839	28.839	7.210	8.220	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú				
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư									
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh								
	- bản Tôm - bản Hào, xã Nậm Ét, huyện Quỳnh Nhai												
7	Đường từ Quốc lộ 43 đi khu dân cư và khu dân sản xuất bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, tỉnh Sơn La	UBND huyện Mộc Châu	1087 31/5/2021	26.622	26.622	26.622	6.660	7.590					
8	Cầu cứng qua Sông Mã tại tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	1094 31/5/2021	60.000	40.000	40.000		15.000					
b	Dự án khởi công mới			254.936	247.936	248.153	0	60.630					
1	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn nông trường Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2176 09/9/2021	95.000	88.000	88.000	0	17.600					
2	Nâng cấp tuyến đường từ xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp - xã Đứa Mòn, huyện Sông Mã	UBND huyện Sốp Cộp	2701 05/11/2021	20.936	20.936	21.153	0	4.230					
3	Đường giao thông xã Mường Bú, xã Mường Chùm (huyện Mường La) - xã Chiềng Sung (huyện Mai Sơn)	UBND huyện Mường La	2816 17/11/2021	34.000	34.000	34.000	0	6.800					

22

CONG BAO SON LA

Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh				
4	Dự án cầu cứng Nậm Lạnh - Nậm Ca (giai đoạn II), huyện Sốp Cộp	UBND huyện Sốp Cộp	2733 09/11/2021	60.000	60.000	60.000	0	20.000	
5	Đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Muôn - Chiềng Ân, huyện Mường La	UBND huyện Mường La	2817 24/11/2021	45.000	45.000	45.000	0	12.000	
I4	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐÔ THỊ			403.782	288.782	288.782	70.540	51.318	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			223.782	194.782	194.782	70.540	49.318	
1	Chỉnh trang đô thị dọc đường Điện Biên	UBND thành phố	1090 31/5/2021	158.782	158.782	158.782	58.540	40.198	
2	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu	1037 28/5/2021	65.000	36.000	36.000	12.000	9.120	
b	Dự án khởi công mới			180.000	94.000	94.000	-	2.000	
1	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật Đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	2887 24/11/2021	180.000	94.000	94.000		2.000	

24

CONG BAO SON LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư					
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022								
1	Lập quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1166 10/6/2020	54.109	54.109	30.618	2.062	28.556	
II	VĂN HÓA, THÔNG TIN			77.819	64.850	64.850	6.278	29.670	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			77.819	64.850	64.850	6.278	29.670	
1	Khu di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	1091 31/5/2021	61.319	50.000	50.000	1.818	25.720	
2	Dự án đầu tư xây dựng các nhà văn hóa bản hoàn thiện tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa cho các xã chưa đạt tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới huyện Quỳnh Nhai	UBND huyện Quỳnh Nhai	1016 27/5/2021	16.500	14.850	14.850	4.460	3.950	
III	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			54.450	49.950	49.950	9.430	13.980	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022			4.950	2.950	2.950	1.180	1.770	
1	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà ở học viên 4 tầng, nhà lớp học (nhà A5) 3 tầng của trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	788 27/4/2021	4.950	2.950	2.950	1.180	1.770	

26

CONG BAO SON LA/Số 03/

Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh				
2	Dự án nhà ở và làm việc cán bộ, chiến sỹ + các công trình phụ trợ của khẩu phụ Nữ Cài	Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	782 27/4/2021	9.200	9.200	2.760	2.450		
3	Dự án rà phá, bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2023	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1061 31/5/2021	27.685	27.685	6.920	7.890		
c	Dự án khởi công mới			12.000	12.000	0	2.400		
1	Dự án mở mới tuyến đường kết nối cụm kho K4, Trung đội vận tải, tiểu đoàn bộ binh I với thao trường thành phố	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2761 12/11/2021	12.000	12.000	0	2.400		
V	AN NINH TRẬT TỰ XÃ HỘI			218.444	218.444	7.150	50.618		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			41.444	41.444	7.150	15.218		
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Công an tỉnh cũ tại số 53 Tô Hiệu thành trụ sở làm việc Công an thành phố Sơn La	Công an tỉnh Sơn La	931 19/5/2021	14.988	14.988	6.500	1.990		

28

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/ Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh				
1	Bố trí sắp xếp dân cư bản Tin Tóc, xã Mường Sai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã		28.300	16.980	16.980	0		Chủ trương thực hiện năm 2022 nhưng chưa hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư
2	Số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu hộ tịch tỉnh Sơn La	Sở Tư pháp		10.000	10.000	10.000	0		Chủ trương thực hiện năm 2022 nhưng chưa hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú				
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư									
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh								
3	Hệ thống thông tin tương tác với người dân trong đô thị thông minh tích hợp với chính quyền điện tử tỉnh Sơn La	Sở Thông tin - Truyền thông		12.800	12.800	12.800	0		Chủ trương thực hiện năm 2022 nhưng chưa hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư				
4	Dự án khu di tích lịch sử Gốc Me - nơi thành lập Chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	UBND huyện Mai Sơn		14.400	14.400	14.400	0		Chủ trương thực hiện năm 2022 nhưng chưa hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư				

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Số Quyết định	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022
				TMDT								
				Trong đó:								
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
				Tổng số		Trong đó: vốn NSTW		Quy đổi ra tiền Việt				
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại										
	Tổng số			1.511.969	316.545	173.980	1.140.640	484.690	283.189	117.734	44.770	
I	Ngành Tài nguyên Môi trường			922.445	242.574	173.980	625.087	54.783	197.543	49.263	20.000	
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La	Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh	1214 11/06/2015; 2895 27/11/2019	922.445	242.574	173.980	625.087	54.783	197.543	49.263	20.000	
II	Ngành Y tế			267.987	53.871	0	214.116	128.470	85.646	53.871	18.029	
1	Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” Dự án Thành phần tỉnh Sơn La	Sở Y tế	773 QĐ-UBND 02/4/2019	267.987	53.871		214.116	128.470	85.646	53.871	3.000	18.029

STT		Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022			
				Số Quyết định			TMBT						Trong đó:		
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Quy đổi ra tiền Việt			Trong đó:						
Tổng số		Trong đó: vốn NSTW		Tổng số		Đưa vào cân đối NSTW		Vay lại							
19.801		6.600		13.201		13.201		0							
2554; 2555; 2556 ngày 24/11/2020				13.201		13.201									
301.736		13.500		288.236		288.236		0							
3504 07/8/2017				288.236		288.236									
Sở Kế hoạch và Đầu tư				288.236		288.236									
Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Sơn La				13.500		288.236									
Cai và tỉnh Sơn La				13.500		288.236									

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

32

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu xổ số kiến thiết	Kế hoạch đã giao đến hết 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			TMDT					
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
	Tổng số							
A	HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM				50.000		10.000	
B	THỰC HIỆN DỰ ÁN			146.450	139.842	48.904	47.652	
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			38.095	36.095	11.004	9.500	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			38.095	36.095	11.004	9.500	
1	Bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDT nội trú Mường La	Sở Giáo dục và Đào tạo	1048 31/5/2021	9.000	9.000	4.500	2.500	
2	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Tân Lang	UBND huyện Phù Yên	1409 30/5/2021	29.095	27.095	6.504	7.000	
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			108.355	103.747	37.900	38.152	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022			64.355	59.967	29.980	26.752	
1	Trạm y tế Thị Trấn Bắc Yên	UBND huyện Bắc Yên	633 28/5/2021	4.464	4.000	2.000	1.894	
2	Trạm y tế xã Mường Lang	UBND huyện Phù Yên	1332 28/5/2021	4.716	4.500	2.250	2.090	

CÔNG BẢO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu xổ số kiến thiết	Kế hoạch đã giao đến hết 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn thu xổ số kiến thiết				
3	Trạm y tế xã Tân Lang	UBND huyện Phù Yên	1332 28/5/2021	5.624	5.500	5.500	2.750	2.555	
4	Trạm Y tế phường Chiềng An	UBND thành phố	1085 31/5/2021	7.636	7.636	7.636	3.820	2.883	
5	Trạm y tế xã Mường Tè	UBND huyện Vân Hồ	453 31/5/2021	4.720	4.720	4.720	2.360	2.056	
6	Trạm y tế xã Yên Sơn	UBND huyện Yên Châu	554 27/5/2021	6.500	6.500	6.500	3.250	3.181	
7	Trạm Y tế xã Tông Cọ	UBND huyện Thuận Châu	1486 31/5/2021	7.583	4.000	4.000	2.000	1.754	
8	Trạm Y tế xã Chiềng Pha	UBND huyện Thuận Châu	1487 31/5/2021	4.000	4.000	4.000	2.000	1.827	
9	Trạm Y tế xã Chiềng Ban	UBND huyện Mai Sơn	1148 28/5/2021	3.767	3.767	3.767	1.880	1.708	
10	Trạm Y tế thị trấn Hát Lót	UBND huyện Mai Sơn	1167 31/5/2021	3.844	3.844	3.844	1.920	1.671	
11	Trạm Y tế xã Chiềng Mung	UBND huyện Mai Sơn	1168 31/5/2021	3.762	3.762	3.762	1.880	1.633	
12	Trạm Y tế xã Mường Bon	UBND huyện Mai Sơn	1146 28/5/2021	3.785	3.785	3.785	1.890	1.715	
CÔNG BẢO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022									
33									

34	CÔNG BÁO		SON LA/Số 03/		Ngày 20-01-2022				
	Ghi chú								
	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch đã giao đến hết 31/12/2021	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu xổ số kiến thiết	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án		Chủ đầu tư	Danh mục dự án	STT	
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành					
				TMDT					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
				TD: Nguồn thu xổ số kiến thiết					
13	1.785	1.980	3.954	3.954	3.954	UBND huyện Mai Sơn	Trạm Y tế xã Chiềng Chung		
b	8.000	7.920	33.000	33.000	33.000	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			
1	4.000	3.960	16.500	16.500	16.500	UBND huyện Quỳnh Nhai	Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Nhai		
2	4.000	3.960	16.500	16.500	16.500	UBND huyện Sốp Cộp	Trung tâm Y tế huyện Sốp Cộp		
c	3.400	0	10.780	11.000	10.780		Dự án khởi công mới		
1	1.000	0	3.000	3.000	3.000	Bệnh viện Phong và Da liễu	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà khám chữa bệnh khu B, bệnh viện Phong và da liễu tỉnh Sơn La		
2	1.200		4.000	4.000	4.000	UBND huyện Thuận Châu	Trạm Y tế xã Phổng Lăng		
3	1.200		3.780	4.000	3.780	Sở Y tế	Mở rộng, bổ sung cơ sở vật chất cơ sở điều trị Methadone		
C	2.348	0	17.000	17.000	17.000		PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU		
1		0	17.000	17.000	17.000	UBND huyện Vân Hồ	Trung tâm Y tế huyện Vân Hồ		

Biểu số 06

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

36

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh					
	TỔNG SỐ			8.349.193	3.021.210	2.331.248	111.368	1.042.898	506.000	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			6.259.567	2.387.875	1.939.553	32.148	780.082	0	
I.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			113.782	108.782	84.787	0	34.987	0	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022			34.000	29.000	4.987	0	4.987	0	
1	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở đất tại bản Dón, bản Tà Phù tại khu TĐC tập trung Pu Nhay, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	798 21/4/2020	34.000	29.000	4.987	0	4.987		
b	Dự án khởi công mới			79.782	79.782	79.800	0	30.000	0	
1	Thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về Trung tâm thành phố Sơn La (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông	2647 29/10/2021	79.782	79.782	79.800	0	30.000		

36

CONG BAO SON LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú	
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh						
I.2	Giao thông			5.017.997	2.073.871	1.753.048	32.148	643.377			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022					270.997	246.728	7.528	13.377	0	
1	Hệ thống đường giao thông Lô 1 & 2 khu đô thị mới dọc suối Nậm La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2900 09/11/2017	103.143	103.143	1.881	0	1.881			
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông trục chính từ ngã ba chợ trung tâm thị trấn Mộc Châu đến Khu du lịch rừng thông bản Áng xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	BQLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	3151 19/12/2018	90.271	66.002	4.202	0	4.202			
3	Hệ thống đường nội bộ TT hành chính huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	329 10/5/2016	77.583	77.583	14.822	7.528	7.294			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					760.000	490.000	24.620	220.000		

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh					
1	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	UBND thành phố Sơn La	1051 31/5/2021	160.000	160.000	22.120	70.000			
2	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2018 31/8/2021	600.000	330.000	2.500	150.000			
c	Dự án khởi công mới			3.987.000	1.337.143	1.242.143	410.000	0		
1	Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	2841 19/11/2021	500.000	172.933		60.000			
2	Dự án thành phần 1 của tuyến đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (tỉnh Sơn La) - đoạn tuyến trên địa bàn tỉnh Sơn La từ nút giao IC4 đến huyện Mộc Châu			3.307.000	1.034.210	1.034.210	335.000	0		
3	Dự án đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu		180.000	130.000	35.000	15.000			

37

38

CÔNG BAO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh					
I.3	Công nghiệp			842.284	26.718	26.718	0	26.718		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022			842.284	26.718	26.718	0	26.718		
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia, tỉnh Sơn La	Sở Công thương	2634 30/10/2015	842.284	26.718	26.718	0	26.718		
I.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế			285.504	178.504	75.000	0	75.000		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022			285.504	178.504	75.000	-	75.000		
1	Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	2732 08/11/2006; 651 24/3/2017	285.504	178.504	75.000	0	75.000		
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			1.559.165	155.998	100.000	0	104.400		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			1.543.167	140.000	100.000	0	100.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Sơn La	Sở Y tế tỉnh Sơn La	2832 01/11/2017	1.543.167	140.000	100.000	0	100.000		
b	Dự án khởi công mới			15.998	15.998	0	0	4.400		
1	Trạm Y tế xã Hát Lót	UBND huyện Mai Sơn		4.000	4.000		0	1.100		

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

39

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh					
2	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2873 23/11/2021	3.998	3.998		0	1.100		
3	Trạm Y tế xã Chiềng Lương	UBND huyện Mai Sơn		4.000	4.000		0	1.100		
4	Trạm Y tế xã Chiềng Sung	UBND huyện Mai Sơn		4.000	4.000		0	1.100		
III	AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI									
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022									
1	Trạm cân xử lý vi phạm thuộc đội tuần tra kiểm soát giao thông đường bộ số 01, phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La	Công an tỉnh Sơn La	3070 31/12/2020	7.000	7.000	2.230	0	2.230		
IV	HOẠT ĐỘNG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC									
a	Dự án chuyển tiếp									
1	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường Bám, Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu	1095 31/5/2021	11.398	9.500		3.890	3.000		

40

CÔNG BAO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh					
2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Co Mạ	UBND huyện Thuận Châu	1102 31/5/2021	9.500	9.500		3.890	3.000		
3	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường É	UBND huyện Thuận Châu	1052 30/5/2021	14.000	9.500		3.890	3.000		
4	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND thị trấn Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	1101 31/5/2021	9.500	9.500		3.890	3.000		
5	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Phổng Lập	UBND huyện Thuận Châu	1053 30/5/2021	16.220	9.500		3.890	3.000		
6	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Pí Toong	UBND huyện Mường La	1098 31/5/2021	9.400	9.400		3.840	3.000		
7	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Yên	UBND huyện Vân Hồ	1089 31/5/2021	9.500	9.500		3.890	3.000		
8	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND thị trấn Hát Lót	UBND huyện Mai Sơn	1105 31/5/2021	9.500	9.500		3.890	3.000		
9	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Ôn	UBND huyện Quỳnh Nhai	1018 27/5/2021	9.500	9.500		3.890	3.000		

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh					
10	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Nà Mường	UBND huyện Mộc Châu	1104 31/5/2021	9.500	9.500	3.881	3.000			
b	Dự án khởi công mới			55.655	55.655	0	15.600			
1	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã É Tông, Thuận Châu	UBND huyện Thuận Châu	2803 15/11/2021	9.500	9.500	0	2.600			
2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Hắc	UBND huyện Mộc Châu	2805 15/11/2021	9.427	9.427	0	2.600			
3	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Khừa	UBND huyện Mộc Châu	2801 15/11/2021	8.328	8.328	0	2.600			
4	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Ân	UBND huyện Mường La		9.400	9.400	0	2.600			
5	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Quang Minh	UBND huyện Vân Hồ		9.500	9.500	0	2.600			
6	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường Chanh	UBND huyện Mai Sơn		9.500	9.500	0	2.600			
V	LĨNH VỰC KHÁC			359.788	319.782	289.465	40.379	110.586		

42

CÔNG BAO SƠN LA/Số 03/Ngày 20-01-2022										
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Ngân sách tỉnh					
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022									
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Bệnh viện Đa khoa Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2737 25/10/2017	55.846	55.846	25.900	15.879	10.021		
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của các hộ gia đình phạm vi khu tái định cư Công viên 26/10	UBND thành phố Sơn La	1904 04/01/2019	53.572	13.566	13.565	0	13.565		
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022									
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại tổ 5 (khu vực trung tâm truyền dẫn sông phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	1962 10/8/2018	250.370	250.370	250.000	24.500	87.000		Trong đó hoàn trả quỹ phát triển đất 67 tỷ

Biểu số 07

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Ghi chú CÔNG BÁO SON LA/Số 03/Ngày 20-01-2020													
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022	
			TMBT						Tổng số	TB: Vốn vay lại các dự án ODA			
			Trong đó:			Quy đổi ra tiền Việt							
			Vốn đối ứng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Tổng số vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					
A	Tổng số			267.987	53.871	0	214.116	128.470	85.646	179.974	85.646	235.544	87.900
A	KẾ HOẠCH VAY LẠI CÁC DỰ ÁN ODA ĐÃ KÝ HIỆP ĐỊNH			267.987	53.871	0	214.116	128.470	85.646	85.646	0		33.333
-	Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” Dự án Thành phần tỉnh Sơn La	Sở Y tế	773 QĐ-UBND ngày 02/4/2019	267.987	53.871		214.116	128.470	85.646	85.646			33.333
B	CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT									94.328		235.544	54.567

CỘNG

CHỦ

BAO SƠN LA

Số 03

/Ngày 20-01-

2022

Biểu số 08

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG PHÂN CẤP CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Kế hoạch vốn các huyện, thành phố năm 2022												Ghi chú
			Huyện Bắc Yên	Huyện Mai Sơn	Huyện Mộc Châu	Huyện Phù Yên	Huyện Quỳnh Nhai	Huyện Mường La	Huyện Sông Mã	Huyện Sốp Cộp	Huyện Thuận Châu	Huyện Yên Châu	Huyện Vân Hồ	Thành phố	
	Tổng số	627.960	39.870	63.030	89.530	56.270	21.240	29.010	62.140	25.640	35.170	60.090	53.630	92.340	
I	Nguồn bổ sung trong cân đối được phân cấp	183.960	12.870	18.030	14.530	16.270	12.240	15.510	19.140	12.140	21.670	13.090	13.630	14.840	
	TĐ: Thực hiện dự án đầu tư	183.960	12.870	18.030	14.530	16.270	12.240	15.510	19.140	12.140	21.670	13.090	13.630	14.840	
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	444.000	27.000	45.000	75.000	40.000	9.000	13.500	43.000	13.500	13.500	47.000	40.000	77.500	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bổ sung thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 242/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 130/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Bổ sung 01 điểm mở đá xây dựng trên địa bàn huyện Mộc Châu đã được quy hoạch tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh

(Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Bổ sung 03 điểm mở cát xây dựng trên địa bàn huyện Sốp Cộp đã được quy hoạch tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/ tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh

(Phụ lục số 02 kèm theo).

3. Bổ sung 01 điểm mở đất sét gạch ngói trên địa bàn huyện Phù Yên đã được quy hoạch tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh

(Phụ lục số 03 kèm theo).

4. Bổ sung 01 điểm mở đất san lấp trên địa bàn huyện Yên Châu đã được quy hoạch tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh

(Phụ lục số 04 kèm theo).

5. Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch 01 điểm mở cát xây dựng trên địa bàn huyện Mộc Châu đã được quy hoạch tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh

(Phụ lục số 05 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Xây dựng; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; LTLS tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01**BỔ SUNG 01 ĐIỂM MỎ ĐÁ TẠI HUYỆN MỘC CHÂU VÀO DANH MỤC
QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG ĐÁ XÂY DỰNG LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TỈNH SƠN LA***(Kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12 /2021 của HĐND tỉnh Sơn La)*

Tên mỏ	Địa điểm	Định hướng thăm dò, khai thác giai đoạn 2021 - 2030 (ĐVT: Nghìn m³)	Thẩm quyền cấp phép	Ghi chú
Điểm mỏ đá vôi bản Tây Hưng và bản Pá Phang	Xã Chiềng Hắc	1.500	UBND tỉnh	Bổ sung QH mỏ vôi diện tích 5,56 ha

Phụ lục số 02**BỔ SUNG 03 ĐIỂM MỎ CÁT TẠI HUYỆN SÓP CỘP VÀO DANH MỤC
QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CÁT XÂY DỰNG
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TỈNH SƠN LA**

STT	Tên mỏ	Địa điểm	Định hướng thăm dò, khai thác giai đoạn 2021 - 2030 (ĐVT: Nghìn m³)	Tổng diện tích QH (ĐVT: Ha)	Trong đó		Thẩm quyền cấp phép
					Diện tích điểm mỏ (ĐVT: Ha)	Diện tích điểm tập kết (ĐVT: Ha)	
1	Điểm mỏ cát bản Huổi Lè	Xã Mường Lạn	30	0,9984	0,9584	0,04	UBND tỉnh
2	Điểm mỏ cát bản Phiêng Pen	Xã Mường Lạn	20	0,421	0,381	0,04	UBND tỉnh
3	Điểm mỏ cát khu vực đập phai bản Cống	Xã Mường Lạn	30	1,0423	1,0423	-	UBND tỉnh

Phụ lục số 03**BỔ SUNG 01 ĐIỂM MỎ ĐẤT SÉT GẠCH NGÓI TẠI HUYỆN PHÙ YÊN
VÀO DANH MỤC QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG ĐẤT
SÉT GẠCH NGÓI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TỈNH SƠN LA**

Tên mỏ	Địa điểm	Định hướng thăm dò, khai thác giai đoạn 2021 - 2030	Thẩm quyền cấp phép	Ghi chú
Điểm mỏ đất khu vực đồi Chằm Khí, bản Chằm Chài	Xã Huy Thượng	500	UBND tỉnh	Bổ sung QH mỏ với diện tích 8.186 ha

Phụ lục số 04**BỔ SUNG 01 ĐIỂM MỎ ĐẤT TẠI HUYỆN YÊN CHÂU VÀO DANH MỤC
QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG ĐẤT SAN LẤP
LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TỈNH SƠN LA**

Tên mỏ	Địa điểm	Định hướng thăm dò, khai thác giai đoạn 2021 - 2030	Thẩm quyền cấp phép	Ghi chú
Điểm mỏ đất san lấp tại bản Bút Đông	Xã Sập Vạt	1.500	UBND tỉnh	Bổ sung QH mỏ với diện tích 5,622 ha

Phụ lục số 05**ĐIỀU CHỈNH MỞ RỘNG 01 ĐIỂM MỎ CÁT TẠI HUYỆN MỘC CHÂU ĐÃ ĐƯỢC QUY
HOẠCH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 162/NQ-HĐND NGÀY 05/12/2019 CỦA HĐND TỈNH**

Tên mỏ	Địa điểm	Diện tích được Quy hoạch tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh (Ha)	Định hướng thăm dò, khai thác giai đoạn 2021 – 2030 (ĐVT: Nghìn m³)	Diện tích sau điều chỉnh (Ha)	Định hướng thăm dò, khai thác giai đoạn 2021 – 2030 sau điều chỉnh (ĐVT: Nghìn m³)	Thẩm quyền cấp phép
Tiểu khu Pa Khen	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	2,0529	500	2,9	900	UBND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục các công trình, dự án nhà nước thu hồi đất
để thực hiện các dự án đầu tư năm 2022 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 130/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của các đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 68 công trình, dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2022 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

1. Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội... (Điểm a Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): 09 dự án, diện tích đất thu hồi 175.100 m².

2. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực... (Điểm b Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): 36 dự án, diện tích đất thu hồi 951.689 m².

3. Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư; chợ;...(Điểm c Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai): 08 dự án, diện tích đất thu hồi 89.700 m².

4. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn;... (*Điểm d Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai*): 15 dự án, diện tích đất thu hồi 1.095.015 m².

(có Biểu số 01 và Biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTƯVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; LTLS tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: M²

Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013													
STT	Đơn vị hành chính	Số lượng công trình	Tổng diện tích thu hồi	Điểm a		Điểm b		Điểm c		Điểm d		Điểm đ	
				Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích		
1	Huyện Quỳnh Nhai	3	23.600	-	-	3	23.600	-	-	-	-	Số lượng	Diện tích
2	Huyện Mai Sơn	9	434.215	1	25.000	-	-	1	6.000	7	403.215	-	-
3	Huyện Thuận Châu	3	77.000	1	2.000	1	15.000	-	-	1	60.000	-	-
4	Huyện Sốp Cộp	9	74.351	-	-	9	74.351	-	-	-	-	-	-
5	Huyện Bắc Yên	2	420.100	1	3.100	1	417.000	-	-	-	-	-	-
6	Huyện Phù Yên	12	189.452	1	4.000	5	42.252	4	2.000	2	141.200	-	-
7	Huyện Mộc Châu	11	443.499	2	1.700	8	257.699	-	-	1	184.100	-	-
8	Thành phố Sơn La	3	3.700	1	2.000	-	-	2	1.700	-	-	-	-
9	Huyện Yên Châu	6	171.287	-	-	5	29.787	-	-	1	141.500	-	-
10	Huyện Mường La	9	461.300	2	137.300	3	79.000	1	80.000	3	165.000	-	-
11	Huyện Sông Mã	1	13.000	-	-	1	13.000	-	-	-	-	-	-
12	Huyện Vân Hồ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Toàn tỉnh		68	2.311.504	9	175.100	36	951.689	8	89.700	15	1.095.015	-	-

Biểu số 02
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 ĐỀ THỰC HIỆN NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)					Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện			Số tiền (Tỷ đồng)
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Tỷ đồng)	
				Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương						
1	2	3	4 = 5 + ... 9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng		2.311.504	461.459	30.934	1.300	18.000	1.799.811				
	Huyện Quỳnh Nhai											
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp Đường GT từ bến phà đến Trung tâm xã - bản Tóm - bản Hào, xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét	10.000				5.000	5.000	Điểm b	271/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của tỉnh	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Số tiền (Tỷ đồng) 42.821
2	Dự án Cải tạo nâng cấp đường giao thông tuyến đường liên xã từ xã Mường Chiên - xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Chiên; Cà Nàng	10.000				5.000	5.000	Điểm b	271/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của tỉnh	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Số tiền (Tỷ đồng) 30.000
3	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và chỉnh trang hệ thống an toàn giao thông đoạn Km 232 – Km 237 và xử lý điểm	Xã Pá Ma - Pha Khinh	3.600				3.600		Điểm b	3298/QĐ-TCĐBVN ngày 20/7/2021 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (NSNN)	Số tiền (Tỷ đồng) 21.026

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ...9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	nguy cơ về tai nạn giao thông tại Km 235 + 485 - Km 235 + 965 QL279 tỉnh Sơn La											
	Huyện Mai Sơn											
4	Dự án bảo tồn, tôn tạo Khu DTLS cây Me - nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	Thị trấn Hát Lót	25.000					25.000	Điểm a	1919/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của tỉnh	Ngân sách huyện	14.400
5	Khu dân cư Tiểu khu 26/3, Cò Nòi	Xã Cò Nòi	20.000					20.000	Điểm d	2117/QĐ-UBND 10/8/2021; 86/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của huyện	Ngân sách huyện	12.700
6	Khu TĐC Dự án Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện và các dự án khác	Thị trấn Hát Lót	20.000					20.000	Điểm d	2298/QĐ-UBND 28/8/2021; 86/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của huyện	Ngân sách huyện	12.700
7	Khu dân cư số 01 Cò Nòi (bán Nhập)	Xã Cò Nòi	65.700					65.700	Điểm d	2298/QĐ-UBND 28/8/2021; 86/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của huyện	Ngân sách huyện	12.500

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ... 9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
8	Khu dân cư tiểu khu Nà Sản	Xã Chiềng Mung	22.000					22.000	Điểm d	2301/QĐ-UBND 28/8/2021; 86/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của huyện	Ngân sách huyện	1.890
9	Khu dân cư số 01 Chiềng Mung (bản Bôm cưa)	Xã Chiềng Mung	50.000					50.000	Điểm d	2300/QĐ-UBND 28/8/2021; 86/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của HĐND huyện	Ngân sách huyện	3.000
10	Khu dân cư đầu tuyến tránh thành phố Sơn La	Xã Chiềng Mung	6.515		5.500			1.015	Điểm d	2357/QĐ-UBND ngày 26/9/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Ngân sách huyện	8.000
11	Nhà văn hóa xã Chiềng Mai và các công trình phụ trợ	Xã Chiềng Mai	6.000	6.000					Điểm c	2198/QĐ-UBND ngày 21/8/2021 của UBND huyện	NS huyện + nhân dân đóng góp	8.220
12	Dự án Khu đô thị mới đầu tuyến tránh Quốc lộ 6, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Mung	219.000		15.884			203.116	Điểm d	2779/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Vốn chủ sở hữu và các nguồn huy động hợp pháp khác	972.698

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ... 9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
18	Đường giao thông Huổi Hin - Huổi Co Pục xã Púng Bánh	Xã Púng Bánh	5.000					5.000	Điểm b	2518/QĐ-BQP ngày 02/8/2021 của Bộ Quốc phòng	Bộ Quốc phòng	3.612
19	Đường giao thông Bản Khá - Huổi O xã Púng Bánh	Xã Púng Bánh	3.000					3.000	Điểm b	2518/QĐ-BQP ngày 02/8/2021 của Bộ Quốc phòng	Bộ Quốc phòng	2.000
20	Đường giao thông từ bản Huổi Cáp đến bản Huổi Dương, xã Mường Và	Xã Mường Và	50.000					50.000	Điểm b	2518/QĐ-BQP ngày 02/8/2021 của Bộ Quốc phòng	Bộ Quốc phòng	17.669
21	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La	Xã Dòm Cang, Sốp Cộp, Mường Lạn, Nậm Lạnh, Sam Kha, Mường Lèo	1.500					1.500	Điểm b	183/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của tỉnh	Ngân sách TW + Ngân sách tỉnh	115.000
22	Cải tạo, Chống quá tải, đường dây và các TBA huyện Sốp Cộp năm 2022	Xã Mường Lạn, Mường Và, Púng Bánh	300	300					Điểm b	183/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của tỉnh	Ngân sách TW + Ngân sách tỉnh	115.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ... 9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
23	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia, tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020	Xã Mường Lèo, Mường Và, Nậm Lành, Sam Kha, Mường Lạn	6.900	700		1.300	1.400	3.500	Điểm b	2634/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của tỉnh	Ngân sách TW + Ngân sách tỉnh	842.284
24	Nhà trực tổ cụm điện xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	151					151	Điểm b	326 QĐ-EVNNPC ngày 04/02/2016 của Tổng CTy điện lực MB	Vốn KHCĐ Điện lực MB	700.000
	Huyện Bắc Yên											
25	Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm	Thị trấn Bắc Yên	3.100					3.100	Điểm a	1317/QĐ-UBND, ngày 06/9/2021; 03/NQ-HĐND, ngày 21/5/2021	Nguồn thu tiền sử dụng đất	7.500.000
26	Đường tỉnh lộ 112 (Đoạn Lăng Châu - Xím Vàng)	Xã Lăng Châu; xã Xím Vàng	417.000					417.000	Điểm b	2277; 2278 QĐ-UBND; 20/9/2021; 261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021	Ngân sách Trung ương	138.205,0

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ...9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Huyện Phù Yên											
27	Khu dân cư phía Đông thị trấn Phù Yên (Hạng mục Quy hoạch đất ở đô thị)	Xã Quang Huy	111.200	97.400				13.800	Điểm d	2525/QĐ-UBND của UBND huyện	Nhà đầu tư	70.100
28	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai suối Lao, xã Mường Bang	Xã Mường Bang	30.000					30.000	Điểm d	77/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 của HĐND huyện Phù Yên	NS tỉnh + NS huyện	19.100
29	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường đoạn Km 20 - Km 26 + 641 (xã Tân Phong) và xử lý điểm nguy cơ mất an toàn giao thông tại Km 24 + 630 - Km 24 + 700), Quốc lộ 43	Xã Tân Phong	420					420	Điểm b	3298 QĐ-TCĐBVN ngày 20/7/2021 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	Ngân sách TW	27.800
30	Đất xây dựng nhà văn hoá bản Bải Sại - xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ	400					400	Điểm c	14/NQ-HĐND ngày 26/6/2020 của huyện	Ngân sách huyện và dân góp	1.100,0
31	Nhà văn hoá bản Hợp Bông - Xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ	400					400	Điểm c	14/NQ-HĐND ngày 26/6/2020 của huyện	Ngân sách huyện và dân góp	1.100,0

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ... 9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
38	Lớp màng non cấm bán bản Trung Thành	Xã Kim Bon	4.000					4.000	Điểm a	14/NQ-HĐND ngày 26/6/2020 của HĐND huyện Phù Yên	Ngân sách huyện và dân góp	CÔNG ANH
	Huyện Mộc Châu											
39	Nhà máy xử lý môi trường huyện Mộc Châu	Xã Mường Sang	102.780					102.780	Điểm b	2579 QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của tỉnh	Vốn góp của nhà đầu tư, vốn huy động,	168.606
40	Hạ tầng khu dân cư tiểu khu 66	TT Nông Trường Mộc Châu	1.740					1.740	Điểm b	2413 QĐ-UBND ngày 15/9/2021 huyện Mộc Châu	Ngân sách huyện	Ngày 01-10-2022
41	Chỉnh trang đô thị; hạng mục: Di chuyển đường điện 110 Kv và 35 Kv từ tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu đi tiểu khu: Nhà Nghi, 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu	TT Nông Trường Mộc Châu	3.000					3.000	Điểm b	21/NQ-HĐND ngày 04/10/2021 của HĐND huyện Mộc Châu	Ngân sách huyện	25.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ... 9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
47	Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu	TT Mộc Châu và TTNT Mộc Châu	6.584					6.584	Điểm b	15/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Sơn La	Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	50.000
48	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	40.000					40.000	Điểm b	31/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của tỉnh	Ngân sách tỉnh; Ngân sách huyện	180.000
49	Dự án đầu tư phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu (giai đoạn 1))	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	184.100	89.300				94.800	Điểm d	178/NQ-HĐND ngày 28/02/2020; 16/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Sơn La;	Ngân sách Trung ương	300.000
	Thành Phố Sơn La											
51	Nhà văn hóa tổ 8, phường Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng	500					500	Điểm c	3839/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố	Ngân sách TP và dân góp	2.500
51	Đường trục bán Châu Cọ, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Cơi	1.200					1.200	Điểm c	14/NQ-HĐND ngày 14/6/2021	NS tỉnh + NS TP	2.500

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ... 9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
52	Trụ sở UBND phường Quyết Tâm	Phường Quyết Tâm	2.000					2.000	Điểm a	3066/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND thành phố	NS tỉnh + NS TP	23.990
	Huyện Yên Châu											
53	Đường Quốc lộ 6 đi bản Kho Vàng, xã Viêng Lán	Xã Viêng Lán	9.387	3.259				6.128	Điểm b	572/QĐ-UBND ngày 30/5/2021 của huyện	Ngân sách huyện	8.186
54	Khu dân cư tiểu khu 1 thị trấn Yên Châu (giai đoạn 2)	Xã Viêng Lán	141.500	29.000				112.500	Điểm d	25/NQ-HĐND của HĐND huyện Yên Châu	Thu hút đầu tư	8.000
55	Đường dây và trạm biến áp 110kV Yên Châu	Xã Sập Vạt	18.800		3.350			15.450	Điểm b	2736 QĐ-EVNNPC ngày 08/10/2020	Vốn khấu hao Điện lực VN	2.070
56	Nhà trực cụm điện xã Chiềng On	Xã Chiềng On	300					300	Điểm b	326 QĐ-EVNNPC ngày 04/02/2016 của Tổng Cty điện lực MB	Vốn KHCB Điện lực MB	700
												63

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)						Phân theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + ... 9	5	6	7	8	9	10	11	12	13
57	Nhà trực cụm điện xã Tú Nang	Xã Tú Nang	300					300	Điểm b	QĐ-EVNNPC ngày 17/7/2018 của Tổng Cty điện lực MB	Vốn KHCB Điện lực MB	CÔNG ĐẢO SƠN IS/
58	Hệ thống nước sinh hoạt bản Co Tôm	Xã Chiềng On	1.000					1.000	Điểm b	86/NQ-HĐND ngày 21/9/2021 của huyện	MTQG xây dựng NTM + dân góp	2.835
	Huyện Mường La											03/
59	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Tàng Khẻ, xã Chiềng Lao, huyện Mường La	Xã Chiềng Lao	20.000					20.000	Điểm d	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	Ng 20-01-2022
60	NSH trung tâm xã Nậm Giôn, huyện Mường La	Xã Nậm Giôn	3.000					3.000	Điểm b	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	2.000
61	Xây mới Trạm phát thanh FM Xã Chiềng Công	Xã Chiềng Công	1.000					1.000	Điểm b	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	700
62	Bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng nghĩa địa tập trung xã Mường Bú	Xã Mường Bú	80.000		5.000			75.000	Điểm c	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất	2.500

[illegible]

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư năm 2022 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 130/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 24 công trình, dự án, diện tích chuyển mục đích sử dụng 548.163 m² đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 để thực hiện các dự án năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

Trong đó: Đất trồng lúa: 530.163 m² (gồm: Đất trồng lúa 02 vụ: 496.659 m²; đất trồng lúa 01 vụ: 32.204 m²; đất trồng lúa nương: 1.300 m²); Đất rừng phòng hộ: 18.000 m² (đất chưa có rừng).

(có Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; LTLS tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 58
LUẬT ĐẤT DAI ĐỂ THỰC HIỆN NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Phân theo các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện			Số tiền (Thị trường)
				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (Đất không có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn		
				Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất	Lúa nương							
1	2	3	4 = 5 + 10	5 = 6 + ...9	6	7	8	9	10	11	12	13	SƠN LA/Số 43/Ngày 20-04-2022	
	Tổng			548.163	496.659	32.204	1.300	18.000						
	Huyện Quỳnh Nhai													
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ bên phải đến Trung tâm xã - bản Tôm - bản Hào, xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét	10.000	5.000				5.000	5.000	DGT	271/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh Sơn La	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	43/2022	
2	Dự án Cải tạo nâng cấp đường giao thông tuyến đường liên xã từ xã Mường Chiên - xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Chiên; Cà Nàng	10.000	5.000				5.000	5.000	DGT	271/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh Sơn La	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	43/2022	
3	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và chỉnh trang hệ thống an toàn giao thông đoạn Km 232 – Km 237 và	Xã Mường Giôn	3.600	3.600				3.600		DGT	3298 QĐ-TCĐBVN ngày 20/7/2021 của Tổng cục đường bộ Việt Nam	Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (NSNN)	21.026	

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Phân theo các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện		
				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (Đất không có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + 10	5 = 6 + ...9	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	xử lý điểm nguy cơ về tai nạn giao thông tại Km 235 + 485 - Km 235 + 965 QL279 tỉnh Sơn La												
	Huyện Mai Sơn		-	-									
4	Khu dân cư đầu tuyến tránh thành phố Sơn La	Xã Chiềng Mung	6.515	5.500		5.500			1.015	KDT	2357/QĐ-UBND ngày 26/9/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Ngân sách huyện	8.000
5	Nhà văn hóa xã Chiềng Mai và các công trình phụ trợ	Xã Chiềng Mai	6.000	6.000	6.000,0					DVH	2198/QĐ-UBND ngày 21/8/2021 của UBND huyện	NSNN và nhân dân đóng góp	3.700
6	Dự án Khu đô thị mới đầu tuyến tránh Quốc lộ 6, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Mung	219.000	15.884		15.884			203.116	KDT	2779/QĐ-UBND ngày 13/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La	Vốn chủ sở hữu và các nguồn huy động hợp pháp khác	22.698
	Huyện Thuận Châu		-	-									

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Phân theo các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện		
				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (Đất không có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + 10	5 = 6 + ...9	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Kè chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc Suối Muội, huyện Thuận Châu (giai đoạn II)	Xã Chiềng Ly	15.000	3.000				3.000,00	12.000,00	DTL	15/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của tỉnh	Ngân sách tỉnh + nguồn vốn ngân sách huyện	70.000
	Huyện Sốp Cộp		-	-									
8	Cải tạo, Chống quá tải, đường dây và các TBA huyện Sốp Cộp năm 2022	Xã Mường Lạn, Mường Vả, Púng Bành	300	300	300					DNL	183/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh	Ngân sách TW + Ngân sách tỉnh	15.000
9	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia, tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020	Xã Mường Lèo, Mường Vả, Nậm Lạnh, Sam Kha, Mường Lạn	6.900	3.400	700		1300	1400	3500	DNL	2634/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Sơn La	Ngân sách TW + Ngân sách tỉnh	22.284
	Huyện Phù Yên		-	-									
10	Khu dân cư phía Đông thị trấn Phù Yên (hạng mục Quy hoạch đất ở đô thị)	Xã Quang Huy	111.200	97.400	97.400				13.800,00	KDT	2525/QĐ-UBND về điều chỉnh cục bộ (Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Phù Yên)	Nhà đầu tư	70.000

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Phân theo các loại đất (m ²)					Loại đất sau khi CMB sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện			
				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (Đất không có rừng)		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, REDD)	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + 10	5 = 6 + ...9	6	7	8	9	10	11	12	13	14
11	Nhà văn hoá bán Chăn	Xã Tường Thượng	700	700		700				DVH	14/NQ-HĐND ngày 26/6/2020 của huyện	Ngân sách huyện và dân góp	3.000
12	Xây dựng đường giao thông liên bản: bản Ứm - bản Kíu	Xã Huy Thượng	2.500	2.500	2.500					DGT	14/NQ-HĐND ngày 26/6/2020 của huyện	NSNN và dân góp	600
	Huyện Mộc Châu		-	-									
13	Nước sinh hoạt liên xã Tà Lại - Nà Mường	Xã Tà Lại, Nà Mường	500	500		500				DTL	21/NQ-HĐND ngày 04/10/2021 của huyện	Ngân sách huyện	500
14	Dự án đầu tư phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu (giai đoạn 1))	TT Nông trường Mộc Châu	184.100	89.300	89.300				94.800	KDT	178/NQ-HĐND ngày 28/02/2020; số 16/NQ-HĐND ngày 10/8/2021	Ngân sách Trung ương	34.000
15	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 6 Bách Tùng Sơn La	Thị trấn Mộc Châu	1.270	1.270		1.270				TMD	2763/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh	Chủ đầu tư	5.000
	Huyện Yên Châu		-	-									71

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Phân theo các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện		
				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (Đất không có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	2	3	4 = 5 + 10	5 = 6 + ...9	6	7	8	9	10	11	12	13	14
16	Đường Quốc lộ 6 đi bản Kho Vàng, xã Viêng Lán	Xã Viêng Lán	9.387	3.259	3.259	-	-	-	6.128	DGT	572/QĐ-UBND ngày 30/5/2021 của huyện	Ngân sách huyện	5.086
17	Khu dân cư tiểu khu 1 thị trấn Yên Châu (giai đoạn 2)	Xã Viêng Lán	141.500	29.000	29.000	-	-	-	112.500	KDT	25/NQ-HĐND huyện Yên Châu về việc phê duyệt chủ trương lập đồ án	Thu hút đầu tư	2.000
18	Đường dây và trạm biến áp 110kV Yên Châu	Xã Sập Vạt	18.800	3.350	-	3.350	-	-	15.450	DNL	2736 QĐ-EVNNPC ngày 08/10/2020	Vốn khấu hao Điện lực VN	3.070
19	Huyện Mường La Bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng nghĩa địa tập trung xã Mường Bú	Xã Mường Bú	80.000	5.000	-	5.000	-	-	75.000	NTD	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	2.500
20	Bồi thường GPMB Hệ thống đường giao thông khu vực Quảng trường	TT Ít Ong	75.000	56.000	56.000	-	-	-	19.000	DGT	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	2.500

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Phân theo các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện		
				Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ (Đất không có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Tỷ đồng)
1	2	3	4 = 5 + 10	5 = 6 + ...9	6	7	8	9	10	11	12	13	14
21	Bồi thường GPMB Xây dựng Quảng trường huyện Mường La	TT Ít Ong	91.000	68.200	68.200				22.800	DKV	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	5.500
22	Giải phóng mặt bằng khu đất nhà ở liền kề Quảng trường Mường La	TT Ít Ong	95.000	71.300	71.300				23.700	KDT	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	5.500
23	Giải phóng mặt bằng khu đất nhà ở biệt thự Quảng trường Mường La	TT Ít Ong	50.000	37.500	37.500				12.500	KDT	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	5.500
24	Giải phóng mặt bằng khu đất dịch vụ nghỉ dưỡng Thị trấn Ít Ong	TT Ít Ong	47.000	35.200	35.200				11.800	TMD	76/NQ-HĐND ngày 08/10/2021 của huyện	NS huyện	5.500

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi, chuyển
mục đích sử dụng đất các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 236/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 130/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi, chuyển
mục đích sử dụng đất các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua, như sau:

1. Điều chỉnh diện tích thu hồi đất đối với 03 dự án đã được HĐND tỉnh
thông qua tại các Nghị quyết (số 212/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2020; số
252/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020; số 24/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8
năm 2021).

Trong đó: Điều chỉnh tăng 5.662 m² tại 02 dự án; điều chỉnh giảm 500 m² tại
01 dự án.

(Biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng đất đối với 02 dự án đã được thông qua tại các Nghị quyết (số 212/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2020; số 252/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020).

Trong đó: Diện tích đất trồng lúa tăng từ 5.798 m² lên 10.500 m²; đất rừng phòng hộ (đất không có rừng) tăng từ 1.048 m² lên 4.700 m².

(Biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT
ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT ĐỀ THỰC HIỆN NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết (m ²)				Diện tích, loại đất điều chỉnh, bổ sung (m ²)						So sánh diện tích sau điều chỉnh	Nguồn vốn thực hiện		Số tiền (đồng)			
			Văn bản cho phép	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Trong đó				Diện tích thu hồi (m ²)	Trong đó									
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)	Đất rừng PH			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)					
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			Đất có rừng	Đất chưa có rừng							
1	2	3	4	5 = 6 + ... 10	6	7	8	9	10	11 = 12 + ... 17	12	13	15	16	17	18	19	20	21
	Huyện Quỳnh Nhai																		
1	Thủy lợi bản Giang Lò, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Nàng	212 NQ-HĐND tỉnh ngày 31/7/2020	9.500				1.048	8.452	9.000			4.700	4.300	-500	866 QĐ-UBND ngày 15/6/2018	30a + dân góp	2652	
	Huyện Bắc Yên																		
2	Quy hoạch chi tiết khu dân cư bản Phúc	Xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên	252 ND-HĐND, ngày 09/12/2020	5.798	5.798					10.500					4.702	32/NQ-HĐND ngày 27/10/2021 của huyện	Nguồn vốn thu sử dụng đất	2625	
	Thành phố Sơn La																		
3	Xây dựng Trụ sở HĐND, UBND, UB MTTQ Việt Nam và một số ngành, đoàn thể tỉnh Sơn La	Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	24 NQ-HĐND ngày 10/8/2021	51.200	19.200				32.000	52.160	19.200			32.960	960	92/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của tỉnh về chủ trương đầu tư	Vốn bổ sung ngân sách tỉnh 2017	64.250	

Biểu số 02

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT ĐỀ THỰC HIỆN NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích, loại đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết (m ²)		Diện tích, loại đất điều chỉnh, bổ sung (m ²)			So sánh diện tích chuyển mục đích sau điều chỉnh	Nguồn vốn thực hiện				
			Văn bản cho phép	Phân theo các loại đất			Phân theo các loại đất			Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương	Nguồn vốn		
				Diện tích CMDSD Đất trồng lúa, RPH, RDD	Đất ruộng lúa (ruộng 2 vụ)	Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	Diện tích CMDSD Đất trồng lúa, RPH, RDD		Đất ruộng lúa (ruộng 2 vụ)			Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng)	
1	2	3	4	5 = 6 + 7	6	7	8 = 9 + 10	9	10	11	12	13	14
	Tổng			6.846	5.798	1.048	15.200	10.500	4.700				
I	Huyện Quỳnh Nhai												
1	Thủy lợi bản Giang Lò, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Nàng	212 NQ-HĐND tỉnh ngày 31/7/2020	1.048		1.048	4.700		4.700	3.652	866 QĐ-UBND ngày 15/6/2018	30a + dân góp	Số tiền 652
II	Huyện Bắc Yên			-			-						
2	Quy hoạch chi tiết khu dân cư bản Phúc	Xã Mường Khoa	252 NĐ-HĐND, ngày 09/12/2020	5.798	5798		10.500	10500		4.702	32 NQ-HĐND ngày 27/10/2021 của HĐND huyện Bắc Yên	Nguồn vốn thu sử dụng đất	3.625

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Hủy bỏ danh mục dự án nhà nước thu hồi, chuyển mục đích
sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại huyện Vân Hồ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật
Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 130/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hủy bỏ thu hồi 1.000 m² đất và chuyển mục đích sử dụng 300 m² đất trồng lúa (đất trồng lúa 02 vụ) để thực hiện dự án Chợ trung tâm xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ đã được thông qua tại Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên tỉnh Sơn La năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 5969/BNV-TCBC ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Sơn La năm 2022.

Xét Tờ trình số 250 /TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo số 16/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên tỉnh Sơn La năm 2022 là 27.275 người (đã bao gồm số lượng người làm việc dự phòng).

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- UBKT của Quốc hội; UBTC-NS của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBNDQH;
- Ban Tổ chức Trung ương; Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; Các sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy Thành ủy, HĐND;UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC, CTHĐND Hương.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND,
UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Sơn La năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-BNV ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc giao bổ sung biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Sơn La năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-BNV ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Sơn La năm 2022.

Xét Tờ trình số 248/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-PC ngày 05 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Sơn La năm 2021 là **2.281** biên chế (có Biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- UBKT của Quốc hội; UBTC-NS của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Ban công tác đại biểu của UBNDQH;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- TTHĐND; UBND; UBNDTTQVN; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND; UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND, UBNDTTQVN các huyện, thành phố;
- Các Trung tâm: Thông tin; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC, CTHĐND Hương.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2021	Biên chế giao năm 2022	Biên chế tăng, giảm so với giao năm 2021	Ghi chú
	Tổng cộng (A + B)	2274	2281	7	0
A	CẤP TỈNH	1267	1271	4	0
1	Văn phòng UBND tỉnh	57	60	3	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	38	40	2	
3	Ban Dân tộc	21	21	0	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	28	28	0	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	53	54	1	
6	Sở Giao thông vận tải	58	58	0	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	46	46	0	
8	Sở Ngoại vụ	20	19	-1	
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	52	52	0	
10	Sở Nội vụ	58	58	0	
11	Sở Công Thương	39	39	0	
12	Sở Tư pháp	34	34	0	
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	44	44	0	
14	Sở Khoa học và Công nghệ	32	32	0	
15	Sở Tài chính	65	65	0	
16	Sở Xây dựng	44	44	0	
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	50	51	1	
18	Sở Nông nghiệp và PTNT	408	408	0	
19	Thanh Tra tỉnh	41	39	-2	
20	Sở Y tế	65	65	0	
21	Ban Quản lý các khu công nghiệp	14	14	0	
	CẤP HUYỆN	1007	1010	3	0
1	UBND huyện Thuận Châu	87	87	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2021	Biên chế giao năm 2022	Biên chế tăng, giảm so với giao năm 2021	Ghi chú
2	UBND huyện Vân Hồ	79	80	1	
3	UBND huyện Phù Yên	87	87	0	
4	UBND huyện Mộc Châu	86	88	2	
5	UBND huyện Mường La	87	87	0	
6	UBND Thành phố Sơn La	89	89	0	
7	UBND huyện Sốp Cộp	79	79	0	
8	UBND huyện Bắc Yên	80	80	0	
9	UBND huyện Yên Châu	80	80	0	
10	UBND huyện Mai Sơn	89	89	0	
11	UBND huyện Sông Mã	84	84	0	
12	UBND huyện Quỳnh Nhai	80	80	0	
	DỰ PHÒNG	07	0	0	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thu hồi dự toán năm 2021 và giao bổ sung có mục tiêu
cho ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ,
chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Công văn số 12680/BTC-NSNN ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Bộ
Tài chính về bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội tỉnh Sơn La
năm 2021.*

*Xét Tờ trình số 244/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND
tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-VHXXH ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban
Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thu hồi dự toán năm 2021 và giao bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành, như sau:

1. Thu hồi về ngân sách tỉnh năm 2021 đối với nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách an sinh xã hội đã giao dự toán cho các huyện, thành phố tại Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh, số tiền 8.027 triệu đồng (*Tám tỷ, không trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

2. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố năm 2021, số tiền 117.922 triệu đồng (*Một trăm mười bảy tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu đồng chẵn*) để thực hiện chi trả các chế độ, chính sách an sinh xã hội.

3. Nguồn kinh phí

3.1. Thu hồi tại Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết này, số tiền: 8.027 triệu đồng.

3.2. Ngân sách Trung ương bổ sung năm 2021 tại Công văn số 12680/BTC-NSNN ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính, số tiền: 100.000 triệu đồng.

3.3. Nguồn kinh phí thu hồi của các đơn vị dự toán cấp tỉnh, các huyện, thành phố năm 2021, số tiền 9.895 triệu đồng, trong đó:

a) Nguồn thu hồi kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành của các huyện, thành phố theo Kết luận của Kiểm toán nhà nước tại văn bản số 171/KTNN-TH ngày 30 tháng 6 năm 2021, số tiền 7.776 triệu đồng.

b) Nguồn thu hồi kinh phí thực hiện chính sách giáo dục do Trung ương ban hành của các đơn vị dự toán cấp tỉnh tại Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh, số tiền 2.119 triệu đồng.

(có Phụ lục số 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ pháp chế: Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Bắc (450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01**THU HỒI KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI
DO TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2021***(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Tổng số</i>	<i>8.027</i>	
<i>1</i>	<i>Huyện Thuận Châu</i>	<i>5.637</i>	
<i>2</i>	<i>Huyện Mai Sơn</i>	<i>168</i>	
<i>3</i>	<i>Huyện Yên Châu</i>	<i>292</i>	
<i>4</i>	<i>Huyện Mộc Châu</i>	<i>1.832</i>	
<i>5</i>	<i>Huyện Quỳnh Nhai</i>	<i>98</i>	

Phụ lục số 02

**BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI
DO TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2021***(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Tổng số</i>	<i>117.922</i>	
<i>1</i>	<i>Thành phố</i>	<i>3.005</i>	
<i>2</i>	<i>Huyện Thuận Châu</i>	<i>15.924</i>	
<i>3</i>	<i>Huyện Mai Sơn</i>	<i>7.970</i>	
<i>4</i>	<i>Huyện Yên Châu</i>	<i>13.433</i>	
<i>5</i>	<i>Huyện Mộc Châu</i>	<i>2.063</i>	
<i>6</i>	<i>Huyện Phù Yên</i>	<i>9.341</i>	
<i>7</i>	<i>Huyện Bắc Yên</i>	<i>8.599</i>	
<i>8</i>	<i>Huyện Mường La</i>	<i>12.140</i>	
<i>9</i>	<i>Huyện Quỳnh Nhai</i>	<i>9.558</i>	
<i>10</i>	<i>Huyện Sông Mã</i>	<i>22.553</i>	
<i>11</i>	<i>Huyện Sốp Cộp</i>	<i>7.015</i>	
<i>12</i>	<i>Huyện Vân Hồ</i>	<i>6.311</i>	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
năm 2021 trên địa bàn huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-DT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án xây dựng đường dây 220kV Sơn La - Điện Biên tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

1. Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng: 4.117 m² (0,4117 ha).

2. Địa điểm, vị trí: Tại xã Tông Lạnh, Bó Mười, Mường Khiêng, Tông Cọ, Chiềng Pha, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Chức năng rừng: Rừng sản xuất.

- Loại rừng: Rừng trồng.

(chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công thương;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- HĐND tỉnh; UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HDND, UBND tỉnh;
- Thường trực huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam các huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Thắng.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
CÁC VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY 220KV SƠN LA - ĐIỆN BIẾN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Huyện	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (Ha)	Trạng thái	Chức năng
1	Thuận Châu	Tông Lạnh	222c	2	15	0,0230	RTK	Sản xuất
2	Thuận Châu	Bó Mười	227	8	9	0,0481	RTK	Sản xuất
3	Thuận Châu	Bó Mười	227	4	13	0,0881	RTK	Sản xuất
4	Thuận Châu	Mường Khiêng	225b	12	7	0,0243	RTK	Sản xuất
5	Thuận Châu	Mường Khiêng	225b	12	5	0,0450	RTK	Sản xuất
6	Thuận Châu	Tông Cọ	249	1	6	0,0228	RTK	Sản xuất
7	Thuận Châu	Tông Lạnh	222c	3	2	0,0458	RTK	Sản xuất
8	Thuận Châu	Tông Lạnh	222c	3	5	0,0465	RTK	Sản xuất
9	Thuận Châu	Chiềng Pha	219A	8	4	0,0681	RTG	Ngoài QH 3 loại rừng
						0,4117		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT**Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2022
của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BA***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;**Xét Tờ trình số 16/TTr-TTHĐND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2022 của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và thảo luận tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2022 của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026:

1. Kỳ họp thứ tư của HĐND tỉnh (*dự kiến tổ chức vào quý I năm 2022*): HĐND tỉnh xem xét, thông qua 06 Nghị quyết.

2. Kỳ họp thứ năm của HĐND tỉnh (*dự kiến tổ chức vào đầu tháng 7 năm 2022*): HĐND tỉnh xem xét, thông qua 24 Báo cáo, 22 Nghị quyết.

3. Kỳ họp thứ sáu của HĐND tỉnh (*dự kiến tổ chức vào đầu tháng 12 năm 2022*): HĐND tỉnh xem xét, thông qua 26 Báo cáo, 21 Nghị quyết.

*(có Phụ lục kèm theo)***Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện; trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung thời gian, nội dung hoặc tên của các Nghị quyết thì Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. UBND tỉnh phân công và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chủ động chuẩn bị các văn bản trình kỳ họp bảo

đảm đúng pháp luật, tiến độ, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; gửi các dự thảo Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện việc phản biện xã hội theo quy định.

3. Các Ban của HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra các văn bản theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (*thư ký kỳ họp*) phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo, các Ban của HĐND tỉnh hoàn chỉnh Nghị quyết và trình Chủ tịch HĐND tỉnh ký chứng thực.

5. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Tư pháp;
- TT. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ; HĐND; UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND, Tờ 150b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**ĐỀ XUẤT NỘI DUNG TRÌNH CÁC KỲ HỌP
NĂM 2022 CỦA HĐND TỈNH KHÓA XV**

(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
A	KỲ HỌP THỨ TƯ - HĐND TỈNH KHÓA XV (Dự kiến Quý I/2022)		
1	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Luật Quy hoạch năm 2017	UBND tỉnh
3	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Sơn La	Các Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019; Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính	UBND tỉnh
4	Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-COV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh quản lý	Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ ; Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08/11/2021 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-COV-2	UBND tỉnh
5	Nghị quyết về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2025	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương	UBND tỉnh
6	Nghị quyết quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Sơn La	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương	Ban Pháp chế của HĐND tỉnh
B	KỲ HỌP THỨ NĂM - HĐND TỈNH KHÓA XV (Dự kiến đầu tháng 7/2022)		
I	Các báo cáo (24 Báo cáo)		
1	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2022 của Thường trực HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
2	Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau kỳ họp thứ ba; việc thực hiện kết luận của Chủ tọa kỳ họp về phiên chất vấn tại kỳ họp thứ ba của HĐND tỉnh khóa XIV	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
3	Báo cáo tổng hợp kiến nghị của cử tri qua hoạt động tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ năm của HĐND tỉnh khóa XV	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
4	Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm 2021, 6 tháng đầu năm 2022; chương trình giám sát năm 2023 của HĐND tỉnh khóa XV	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
5	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Kinh tế - Ngân sách
6	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2022 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Pháp chế
7	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Văn hóa - Xã hội
8	Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động 6 tháng cuối năm 2022 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Dân tộc
9	Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Kinh tế - Ngân sách
10	Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Pháp chế
11	Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Văn hóa - Xã hội
12	Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Dân tộc
13	Báo cáo Tổng hợp kết quả tham gia ý kiến của các Tổ đại biểu HĐND tỉnh vào các nội dung trình kỳ họp	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
14	Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả công tác 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ chủ yếu tập trung chỉ đạo, điều hành công tác 6 tháng cuối năm 2022	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015	UBND tỉnh
15	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ trọng tâm và một số giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2022	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	UBND tỉnh
16	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình phân bổ và thực hiện các nguồn vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022	Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	UBND tỉnh
17	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình tài chính ngân sách 6 tháng đầu năm; Nhiệm vụ, giải pháp công tác tài chính, ngân sách 6 tháng cuối năm 2022	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
18	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
19	Báo cáo của UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết kiến nghị của cử tri 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương	UBND tỉnh
20	Báo cáo của UBND tỉnh về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2022	Luật Tổ Chức chính quyền địa phương	UBND tỉnh
21	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Pháp chế		UBND tỉnh
22	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Kinh tế ngân sách		UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
23	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Văn hóa xã hội		UBND tỉnh
24	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực công tác dân tộc		UBND tỉnh
II	Các dự thảo Nghị quyết (22 dự thảo Nghị quyết)		
1	Dự thảo Nghị quyết về giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau kỳ họp thứ ba; việc thực hiện kết luận của Chủ tọa kỳ họp về phiên chất vấn tại kỳ họp thứ ba của HĐND tỉnh khóa XIV	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
2	Dự thảo Nghị quyết về chương trình giám sát năm 2023 của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
3	Dự thảo Nghị quyết về việc Thông qua kết quả giải quyết những nội dung do UBND tỉnh trình giữa hai kỳ họp của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
4	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND tỉnh
5	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La (<i>chuyển tiếp từ năm 2021 sang chưa trình</i>)	Nghị quyết số 07/NQ/TU ngày 21/01/2021; Nghị quyết số 06/NQ/TU ngày 21/01/2021; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	UBND tỉnh
6	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về bãi bỏ Nghị quyết số 33/2004/NQ-HĐND ngày 23/7/2004 của HĐND tỉnh về tăng cường thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La.	Nghị quyết số 12/2019/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
7	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tỉnh Sơn La từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026	Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ	UBND tỉnh
8	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Bảo hiểm xã hội; Luật Bảo hiểm y tế; các Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ	UBND tỉnh
9	Nghị quyết về việc đổi tên bản	Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.	UBND tỉnh
10	Nghị quyết “Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2026”	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật NSNN, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV	UBND tỉnh
11	Nghị quyết “Sửa đổi mức chi đối với một số nội dung tại Nghị quyết số 43/2017/NQHĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh về quy định hỗ trợ mức chi đối với hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La ”	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương	UBND tỉnh
12	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Đất đai	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
13	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Đất đai	UBND tỉnh
14	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục hủy bỏ thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Đất đai	UBND tỉnh
15	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết.	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Đất đai	UBND tỉnh
16	Chính sách hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính	UBND tỉnh
17	Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La năm học 2022 - 2023	Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	UBND tỉnh
18	Nghị quyết quy định mức học phí đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tỉnh Sơn La từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026	Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính phủ về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
19	Nghị quyết phê duyệt và quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập năm học 2022 - 2023	Điều d, Khoản 4, điều 8, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	UBND tỉnh
20	Nghị quyết quy định nội dung, mức chi công tác chuẩn bị và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh	Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông	UBND tỉnh
21	Nghị quyết quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương	UBND tỉnh
22	Nghị quyết “Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2026”	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015	UBND tỉnh
C	KỲ HỌP THỨ SÁU - HĐND TỈNH KHÓA XV (Dự kiến đầu tháng 12/2022)		
I	Các Báo cáo (26 Báo cáo)		
1	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022; nhiệm vụ năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
2	Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau kỳ họp thứ năm; việc thực hiện kết luận của Chủ tọa kỳ họp về phiên chất vấn tại kỳ họp thứ năm của HĐND tỉnh khóa XV	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
3	Báo cáo tổng hợp kiến nghị của cử tri qua hoạt động tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ hai và trước kỳ họp thứ ba của HĐND tỉnh khóa XV	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
4	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022; nhiệm vụ năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Kinh tế - Ngân sách

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
5	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022; nhiệm vụ năm 2023 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Pháp chế
6	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022; nhiệm vụ năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Văn hóa - Xã hội
7	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022; nhiệm vụ năm 2023 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Ban Dân tộc
8	Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015	Ban Kinh tế - Ngân sách
9	Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015	Ban Pháp chế
10	Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015	Ban Văn hóa - Xã hội
11	Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015	Ban Dân tộc
12	Báo cáo Tổng hợp kết quả tham gia ý kiến của các Tổ đại biểu HĐND tỉnh vào các nội dung trình kỳ họp	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
13	Báo cáo kết quả công tác năm 2022; nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành năm 2023 của UBND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015	UBND tỉnh
14	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	UBND tỉnh
15	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình phân bổ, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; nhiệm vụ giải pháp thực hiện năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	UBND tỉnh
16	Báo cáo của UBND tỉnh về quyết toán ngân sách địa phương năm 2021	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
17	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2022; dự kiến kế hoạch tài chính năm 2023 của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
18	Báo cáo của UBND tỉnh về kế hoạch tài chính ngân sách địa phương 03 năm 2020 - 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương 03 năm 2023 - 2025	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
19	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình tài chính, ngân sách địa phương năm 2022; phương hướng nhiệm vụ tài chính ngân sách địa phương năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
20	Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
21	Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2022	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương	UBND tỉnh
22	Báo cáo kết quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân năm 2021		UBND tỉnh
23	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Pháp chế		UBND tỉnh
24	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Kinh tế ngân sách		UBND tỉnh
25	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội		UBND tỉnh
26	Báo cáo tiếp thu, giải trình kiến nghị của các Ban của HĐND tỉnh, ý kiến các Tổ đại biểu HĐND tỉnh về báo cáo và dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực công tác dân tộc		UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
II	Các dự thảo Nghị quyết (21 dự thảo Nghị quyết)		
1	Dự thảo Nghị quyết về kế hoạch tổ chức các kỳ họp năm 2023 của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
2	Dự thảo Nghị quyết về giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau kỳ họp thứ năm; việc thực hiện kết luận của Chủ tọa kỳ họp về phiên chất vấn tại kỳ họp thứ năm của HĐND tỉnh khóa XV	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
3	Dự thảo Nghị quyết về việc Thông qua kết quả giải quyết những nội dung do UBND tỉnh trình giữa hai kỳ họp của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015	Thường trực HĐND tỉnh
4	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2023	Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ	UBND tỉnh
5	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015	UBND tỉnh
6	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
7	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phương án phân bổ ngân sách tỉnh và mức bổ sung cân đối ngân sách huyện, thành phố năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
8	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2021	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh
9	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách Nhà nước	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
10	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hoạt động xét tặng giải thưởng Khoa học và công Nghệ	Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05/7/2019 của Chính phủ	UBND tỉnh
11	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; Quyết định số 04/2021/QĐTTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ	UBND tỉnh
12	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2025	Luật Phòng, chống ma túy	UBND tỉnh
13	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ	UBND tỉnh
14	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ	UBND tỉnh
15	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Đất đai	UBND tỉnh
16	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Đất đai	UBND tỉnh
17	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục hủy bỏ thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Đất đai	UBND tỉnh

STT	Nội dung	Cơ sở pháp lý	Cơ quan trình
18	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết	Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Luật Đất đai	UBND tỉnh
19	Nghị quyết về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Khoản 2, Mục VI Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh
20	Nghị quyết về phát triển thanh niên tại địa phương để thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với thanh niên	Tiết a, Khoản 1, Điều 40 Luật Thanh niên năm 2020: Ban hành Nghị quyết về phát triển thanh niên tại địa phương để thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với thanh niên	UBND tỉnh
21	Nghị quyết về hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước của địa phương	Khoản 2 Điều 60 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020	UBND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Số: 66/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí
và hỗ trợ chi phí học tập năm 2021 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
ngày 27/8/2021 của Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Công văn số 14147/BTC-NSNN ngày 13 tháng 12 năm 2021 của
Bộ Tài chính về kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh theo quy định tại
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 267/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của UBND
tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 151/BC-VHXXH ngày 29 tháng 12 năm 2021 của
Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại
kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung kinh phí năm 2021 cho Sở Giáo dục - Đào tạo và UBND các huyện để thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, số tiền 77.638 triệu đồng (*Bảy mươi bảy tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn*).

Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh năm 2021 tại Công văn số 14147/BTC-NSNN ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp chuyên đề lần thứ tư thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT,Linh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục

**PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP NĂM 2021 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP
NGÀY 27/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số tiền
	Tổng cộng	77.638
1	Sở Giáo dục và đào tạo	6.304
2	Huyện Thuận Châu	11.218
3	Huyện Mai Sơn	6.305
4	Huyện Yên Châu	4.722
5	Huyện Mộc Châu	2.300
6	Huyện Phù Yên	6.553
7	Huyện Bắc Yên	7.211
8	Huyện Mường La	8.215
9	Huyện Quỳnh Nhai	2.371
10	Huyện Sông Mã	13.858
11	Huyện Sốp Cộp	3.885
12	Huyện Vân Hồ	4.696

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com